TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2018/HS-PT
Ngày 24 tháng 12 năm 2018

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Cường**

Các Thẩm phán: Ông **Trần Minh Tuấn**

Ông **Nguyễn Tấn Trường.**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Phương Liên**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Đinh Ngọc Kính** - Kiểm sát viên.

Vào ngày 24 tháng 12 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 354/2018/TLPT-HS ngày 08 tháng 11 năm 2018 đối với bị cáo **Nguyễn Hùng D và Lê Thị Phương O** về tội *"Giết người"* và *"Cướp tài sản"*. Do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hùng D và bị cáo Lê Thị Phương O đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 49/2018/HS-ST ngày 29/9/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- *Bị cáo có kháng cáo:*

1. **Nguyễn Hùng D,** sinh ngày 15/10/1969 tại Đà Nẵng; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú *(theo hồ sơ đăng ký chứng minh nhân dân):* Tổ 22A, phường T3, quận H, thành phố Đà Nẵng; chỗ ở: Phòng 612 Chung cư C2 nhà C, tổ 72C, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hùng C (chết) và bà Lê Thị Tr (sinh năm 1938); có vợ là Nguyễn Thị Th1 (đã ly thân), sống chung như vợ chồng với Lê Thị Phương O *(là bị cáo trong vụ án);* có 02 con *(lớn sinh năm 1992 - là con chung với Nguyễn Thị Th1, nhỏ sinh năm 2003 - con chung với Lê Thị Phương O);* tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 13/01/1996, bị Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng (nay là Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng) xử phạt 05 năm tù về tội "Hiếp dâm". Chấp hành xong hình phạt ngày 19/5/2000.

Bị cáo bị bắt giam ngày 21/6/2018, có mặt tại phiên tòa.

2. **Lê Thị Phương O,** sinh năm 1968 tại Đà Nẵng; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Phòng 612 Chung cư C2 nhà C, tổ 72C, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Lao động phổ thông; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn M1 (chết) và bà Lê Thị H2 (sinh năm 1953); có chồng là Nguyễn Ngọc H3 *(đã ly thân),* sống chung như vợ chồng với Nguyễn Hùng D *(là bị cáo trong vụ án);* có 02 con *(lớn sinh năm 1988 - là con chung với Nguyễn Ngọc H3, nhỏ sinh năm 2003 - con chung với Nguvễn Hùng D);* tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt giam ngày 21/6/2018, có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho các bị cáo:*

1. Ông **Lê Hữu P** - Luật sư thuộc đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hùng D theo yêu cầu của Tòa án, có mặt.

2. Bà **Nguyễn Thị H** - thuộc Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng bào chữa cho bị cáo Lê Thị Phương O theo yêu cầu của Tòa án, có mặt.

- *Người làm chứng:*

Ông **Nguyễn Đ,** sinh năm 1972; nơi cư trú: Thôn 4c, xã D1, huyện D2, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.

Ngoài ra trong vụ án còn có 01 bị hại (đã chết); 03 người đại diện hợp pháp của bị hại; 02 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị, Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Hùng D và Lê Thị Phương O không đăng ký kết hôn nhưng vẫn chung sống như vợ chồng tại phòng số 612, chung cư C2, Tòa nhà C, tổ 72C, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng. Quá trình chung sống, D và O có vay của bà Văn Thị Thanh N1 với số tiền 170.000.000 đồng *(một trăm bảy mươi triệu đồng)* để chi tiêu, sinh hoạt trong gia đình, nhưng không đủ khả năng trả nợ. Nên vào tối ngày 19/6/2018, D và O bàn bạc với nhau, D nói với O: "Để anh giết bà N1 giải thoát nợ", O hỏi lại "Làm răng để giết?", D nói *"Lấy dây siết cổ là không kêu được*", O đồng ý. Sau đó, D và O đi ngủ. Đến khoảng 06 giờ ngày 20/6/2018, để thực hiện ý định giết bà N1, O nói với D: "Chừ nhắn tin nhờ bà N1 đi chợ mua giùm đồ ăn để bà N1 qua", D đồng ý. O nhắn tin và điện thoại nhờ bà N1 mua giùm đồ ăn mang qua O và O sẽ trả tiền nợ cho bà N1 thì bà N1

đồng ý.

Đến khoảng 7 giờ 30 cùng ngày, bà N1 điều khiển xe mô tô BKS: 43C1 - 313.56 đến để tại lề đường gần chung cư C2, rồi đi lên phòng 612, D ra mở cửa, bà N1 đi vào nhà để giỏ đi chợ màu đỏ chứa thức ăn, mũ bảo hiểm tại bếp vào phòng khách rồi cầm theo một túi xách đi vào phòng ngủ của O để nói chuyện với O về việc trả tiền vay. Bà N1 ngồi bệt xuống nền nhà, lưng quay ra phía cửa phòng ngủ, O đang nằm liền dậy ngồi đối diện với bà N1. Trong lúc bà N1 và O đang ngồi nói chuyện thì D cầm sợi dây *(loại dây dù, chiều dài khoảng 70 cm, bản rộng 02 cm, thường dùng để xích chó trong nhà)* đi vào phía sau lưng của bà N1. D dùng hai tay cầm hai đầu sợi dây rồi quấn dây vào cổ bà N1 siết mạnh. Sau đó, D ghì chặt bà N1 nằm nghiêng bên trái xuống nền nhà. D dùng chân phải kẹp người của bà N1, bà N1 vùng vẫy và dùng hai tay chống cự thì O chồm đến dùng hai tay ngồi giữ hai tay của bà N1. Khoảng 5 phút sau, thấy bà N1 bất động và xuất nước tiểu nghĩ bà N1 đã chết nên D thả bà N1 ra. Lúc này, O lấy túi xách của bà N1 chạy ra phòng khách lục túi xách thấy có số tiền 5.600.000 đồng *(năm triệu sáu trăm ngàn đồng),* 03 điện thoại di động, chùm chìa khóa và một số giấy tờ tùy thân. D ở lại trong phòng kéo bà N1 vào sát tủ quần áo, lấy tấm vải hoa văn nhiều màu trùm đầu bà N1, lấy tấm vải màu xám ghi dòng chữ "thai" trùm lên người bà N1, lấy áo thun lau nước tiểu bà N1 trên nền nhà rồi khép cửa đi ra phòng khách với O. O lấy số tiền 5.600.000 đồng *(năm triệu sáu trăm ngàn đồng),* 03 điện thoại di động đưa cho D, rồi lấy chìa khóa xe bà N1 đi mở cốp xe mô tô BKS: 43C1-313.XX kiểm tra cốp xe nhưng không thấy tài sản gì nên O đi lên lại phòng. Trong lúc này, D thu gom những đồ dùng cá nhân của bà N1 mang theo gồm: 01 mũ bảo hiểm, 01 đôi dép, 01 giỏ đi chợ, 01 túi xách bên trong có các giấy tờ tùy thân bỏ vào trong nhiều bao nylong màu đen đồng thời bỏ dây siết cổ, áo thun vào chung rồi đưa cho O, còn 03 điện thoại D bỏ vào bao nylong màu đen để trên kệ bếp. O mang các bao nylong màu đen D đưa đi vứt tại địa điểm đổ rác gần chung cư. Sau đó, O trở về phòng rồi cùng D lấy xe mô tô BKS: 43C1-313.XX đi cất giấu, D điều khiển xe mô tô BKS: 43C1-313.XX đến bệnh viện P Đà Nẵng để ở bãi cỏ phía sau bệnh viện, còn O điều khiển xe mô tô BKS: 43H6 - 54XX mượn của Trang Công Đ1 chạy theo phía sau. Sau đó, O và D quay về thuê nhà nghỉ B tại phường T để nghỉ, O về chung cư gọi Nguyễn Lê Phượng Th *(là con của D và O)* và Trang Công Đ1 *(là bạn Th)* ra ở nhà nghỉ từ trưa đến chiều cùng ngày rồi trả phòng đi uống nước tại quán cà phê T1 tại phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng.

Đến khoảng 17 giờ 30 cùng ngày, O điều khiển xe mô tô BKS: 43H6 - 54XX chở D quay lại phòng 612, chung cư C2, D một mình lên phòng lấy bao nylong đen trùm lên đầu bà N1, D lấy 04 đoạn dây thép cột tay, chân của bà N1

lại cho gọn, D lấy 01 thùng xốp kích thước 58 x 26 cm bên trong lót 01 bao nylong màu trắng *(loại bao gạo),* lấy 02 dây cao su cột xung quanh thùng xốp. D bỏ xác bà N1 vào trong thùng xốp rồi đậy tấm ga nệm phủ lên miệng thùng và thi thể bà N1. Trong lúc đó, O quay lại dẫn Th và Đ1 đi thuê nhà nghỉ T2 tại Phường T cho Th và Đ1 ngủ rồi điện thoại hẹn Đinh Lân G và đối tượng tên Tuấn *(chưa rõ nhân thân lai lịch)* là người cho O mượn tiền trước đó đến ngã tư đường N2 – đường L, thành phố Đà Nẵng để O trả nợ. Đến khoản 22 giờ cùng ngày, O đến điểm hẹn trả cho Bảo số tiền 1.500.000 đồng *(một triệu năm trăm ngàn đồng)* và trả cho Tuấn số tiền 2.000.000 đồng *(hai triệu đồng) (số tiền này O lấy lại từ D khi ở nhà nghỉ)* rồi quay lại chung cư đón D vào nhà nghỉ.

Đến khoảng 01 giờ sáng ngày 21/6/2018, D điều khiển xe mô tô BKS: 43H6-54XX chở O về lại phòng 612, chung cư C2, D và O bưng thùng xốp chứa thi thể bà N1 xuống để lên xe mô tô BKS: 43H6-54XX, D lấy dây cao su cột lại rồi một mình chở ra cầu M, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng, còn O cầm theo bao nylong màu đen bên trong có 03 điện thoại của bà N1 đi bộ theo sau. Khi ra đến cầu M, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng, D bưng thùng xốp chứa thi thể bà N1 bỏ xuống con lươn giữa đường rồi kéo qua lan can cầu thì thùng xốp bị vỡ nên D vứt thùng xốp, dây cao su xuống cầu trước, còn thi thể bà N1, D để lại sát thành cầu. D điều khiển xe mô tô BKS: 43H6-54XX quay lại chở O ra cầu M. D và O cùng bưng, xác bà N1 vứt xuống cầu, O vứt luôn bao nylong màu đen chứa 03 điện thoại, chìa khóa xe của bà N1 xuống cầu, sau đó D chở O về nhà nghỉ để ngủ. Số tiền chiếm đoạt của bà N1 còn lại D và O đã tiêu xài hết.

Quá trình điều tra, Nguyễn Hùng D và Lê Thị Phương O đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Vật chứng thu giữ: Quá trình điều tra, cơ quan điều tra thu giữ:

+ 04 sợi dây kim loại;
+ 01 túi nylong màu đen;
+ 01 tấm vải màu xám ghi dòng chữ “thai”;
+ 01 đồng hồ kim loại màu vàng hiệu Rolex;
+ 01 vòng dây kim loại màu vàng;
+ 01 chiếc nhẫn kim loại màu bạc;
+ 01 tấm vải hoa văn nhiều màu có nút buộc dính vào tóc tử thi;
+ 01 bao nylong màu trắng;
+ 03 sợi dây (dây su đủ màu);
+ 01 thùng xốp màu trắng bị vỡ kích thước 58 x 26 cm;
+ 01 tấm vải hoa văn;

+ 01 điện thoại di động hiệu FPT màu đen, số Imei 1: 980018008311231, Imei 2: 980018008382638 có sim số: 0947.846.074 thu giữ của Nguyễn Hùng D;

+ 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu đen có sim số: 0935412514 thu giữ của Lê Thị Phương O;

+ 01 kiềm kim loại vỏ màu đỏ, dạng hai lưỡi cắt;

+ 01 đoạn dây kẽm dài 24,5 cm tiết diện 0,23 cm;

+ Số tiền 1.500.000 đồng;

+ 01 xe mô tô tô BKS: 43H6-54XX;

+ 01 xe mô tô BKS : 42C1-313.XX.

Tại kết luận giám định pháp y số: 97/GĐ-PY ngày 06/7/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng kết luận: Nguyên nhân chết của Văn Thị Thanh N1 là do ngạt nước, trên thể trạng chung nạn nhân có dấu hiệu thiếu oxi não.

Tại kết luận về việc định giá tài sản số 119 ngày 08/8/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận:

1. Đối với tài sản thu hồi được: 01 xe mô tô Yamaha Nozza, biển kiểm soát 43C1-313.XX, số máy: 088844, số khung: 088830 có giá trị 11.500.000 đồng *(mười một triệu năm trăm ngàn đồng)*.

2. Đối với các tài sản không thu hồi được gồm:

+ Đối với 01 túi xách nữ màu đen, kích thước 20 x 30 cm, 01 giỏ xách đi chợ bằng nhựa màu đỏ, 01 đôi dép xỏ ngón nữ, 02 điện thoại di động, bàn phím cơ. Do không có tài sản thực tế để kiểm tra, nên không có cơ sở để khảo sát giá trị thị trường, do đó không xác định được giá trị tài sản.

+ Đối với 01 điện thoại hiệu Samsung J7 màu trắng: Do không có tài sản thực tế để kiểm tra, nên không có cơ sở để khảo sát giá trị thị trường, do đó không xác định được giá trị tài sản.

Tại kết luận định giá tài sản theo trưng cầu định giá số 133 ngày 04/9/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: Không có cơ sở xác định giá trị mũ bảo hiểm.

Tại kết luận giám định số: 93/GĐ-PY ngày 13/7/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng kết luận:

Dấu vết đường vân trên mẫu băng keo màu xanh dán xung quanh thùng xốp có kích thước 58 x 26 cm thu tại hiện trường vụ án "Giết người", "Cướp tài sản" xảy ra ngày 20/6/2018 tại phòng 612, Chung cư C2 nhà C, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng, ký hiệu A1 đến A3 không đủ yếu tố giám định.

Dấu vết đường vân trên mẫu băng keo màu xanh dán xung quanh thùng

xốp có kích thước 58 x 26 cm thu tại hiện trường vụ án "Giết người" , "Cướp tài sản" xảy ra ngày 20/6/2018 tại phòng 612, Chung cư C2 nhà C, phường N, quận S , thành phố Đà Nẵng, kí hiệu A4 không cùng với dấu in vân tay trên chỉ bản mẫu so sánh gửi giám định ký hiệu M1 đến M5.

Về vấn đề dân sự: Quá trình điều tra, truy tố gia đình bị hại không yêu cầu các bị cáo bồi thường.

Tại bản cáo trạng số 30/CT-VKS-P1 ngày 06/9/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng đã truy tố các bị cáo Nguyễn Hùng D và Lê Thị Phương O về tội "Giết người" với các tình tiết định khung là "Có tổ chức", "Vì động cơ đê hèn", "Giết người mà liền trước đó hoặc ngay sau đó lại thực hiện một tội phạm rất nghiêm trọng hoặc đặt biệt nghiêm trọng khác" theo quy định tại các điểm e, o, q khoản 1 Điều 123 và tội "Cướp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 168 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 49/2018/HS-ST ngày 29/9/2018, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo **Nguyễn Hùng D** và **Lê Thị Phương O** phạm tội *"Giết người"* và tội *"Cướp tài sản"*.

Căn cứ: Điểm e, o, q khoản 1 Điều 123; khoản 1 Điều 168; điểm p khoản 1 Điều 52; Điều 40, Điều 55 và Điều 58 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017). *Xử phạt:* Nguyễn Hùng D: *Tử hình* về tội "Giết người" và 06 (sáu) năm tù về tội "Cướp tài sản". Tổng hợp hình phạt cho cả 02 tội buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là *Tử hình.*

Căn cứ: Điểm e, o, q khoản 1 Điều 123; khoản 1 Điều 168; điểm p khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 39; Điều 55 và Điều 58 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017). *Xử phạt:* Lê Thị Phương O *tù chung thân* về tội *"Giết người"* và 05 (năm) năm tù về tội *"Cướp tài sản"*. Tổng hợp hình phạt cho cả 02 tội buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là *tù chung thân.*

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 06/10/2018 bị cáo Nguyễn Hùng D có đơn kháng cáo với nội dung: Án sơ thẩm xử nặng, xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 06/10/2018 bị cáo Lê Thị Phương O có đơn kháng cáo với nội dung: Án sơ thẩm xử nặng, xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hùng D và bị cáo Lê Thị Phương O, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư Lê Hữu Phúc bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hùng D cho rằng Toà án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội "Giết người" và tội "Cướp tài sản" là đúng người, đúng tội và có căn cứ. Tuy nhiên Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét cho hoàn cảnh gia đình của bị cáo; ở giai đoạn phúc thẩm bị cáo thành khẩn khai báo nên đề nghị áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo có con đường sống.

Luật sư Nguyễn Thị Hường bào chữa cho bị cáo Lê Thị Phương O đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét cho hoàn cảnh, điều kiện sống và nhân thân của bị cáo để sửa bản án sơ thẩm theo hướng giảm hình phạt cho bị cáo.

Lời nói sau cùng của bị cáo Nguyễn Hùng D: Bản thân bị cáo đã gây ra vụ án này, bị cáo rất ăn năn và rất xin lỗi gia đình người bị hại; bị cáo còn có mẹ già, con nhỏ, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét.

Lời nói sau cùng của bị cáo Lê Thị Phương O: Bị hại là ân nhân của gia đình bị cáo, vợ chồng bị cáo đã ra tay giết chết chị Nga, cho bị cáo xin lỗi gia đình bị hại, mong Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét cho bị cáo sớm được trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở kết quả tranh tụng, xem xét ý kiến của các bị cáo, ý kiến của các luật sư, quan điểm của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở khẳng định: Trong quá trình chung sống với nhau như vợ chồng, các bị cáo Nguyễn Hùng D và Lê Thị Phương O có vay của bà Văn Thị Thanh N1 số tiền 170.000.000 đ (một trăm bảy mươi triệu đồng). Do không có khả năng trả nợ nên tối ngày 19/6/2018, D nảy sinh ý định giết bà N1 để "quỵt nợ" và trao đổi, bàn bạc với O thì được O đồng ý. Sau khi cả hai cùng thống nhất ý chí, các bị cáo D và O đã bàn bạc thống nhất lên kế hoạch lừa bà N1 bằng cách nhắn tin nhờ bà N1 mua giùm đồ ăn qua nhà rồi sẽ dùng dây siết cổ giết bà N1 để bà N1 không kêu cứu được. Sáng ngày 20/6/2018, O dùng điện thoại nhắn tin nhờ bà N1 mua giúp thức ăn cá phèn, rau dền mang đến nơi ở của D, O tại phòng 612, Chung cư C2 để sát hại. Khi bà N1 đến, O giả vờ ngồi nói chuyện với bà N1 làm bà N1 mất cảnh giác, còn D đứng phía sau lưng bà N1, hai tay cầm hai đầu sợi dây dù đã chuẩn bị trước quấn vào cổ bà N1 siết chặt, bà N1 vùng vẫy thì D kẹp đè bà N1 xuống nền nhà, O chồm người giữ hai tay bà N1 cho đến khi bà N1 bất tỉnh. Nghĩ bà N1 đã chết, D thả bà N1 ra rồi kéo bà

N1 vào sát tủ quần áo, lấy vải phủ kín người bà N1. Sau đó, D lấy dây thép trói chân tay bà N1 lại cho gọn bỏ vào thùng xốp rồi cùng O mang xác bà N1 vứt xuống cầu M thuộc phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng để phi tang xác bà N1 nhằm che giấu hành vi phạm tội của mình. Sau khi giết bà N1, D và O còn thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của bà N1 số tiền 5.600.000 đ (năm triệu, sáu trăm ngàn đồng), 01 xe mô tô BKS 43C1-313.XX, trị giá 11.500.000 đ (mười một triệu, năm trăm ngàn đồng), tổng giá trị tài sản là 17.100.000 đ (mười bảy triệu, một trăm ngàn đồng). Với hành vi phạm tội đó, Toà án cấp sơ thẩm đã áp dụng khoản 1 Điều 123 và khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xét xử các bị cáo Nguyễn Hùng D và Lê Thị Phương O về tội "Giết người" và "Cướp tài sản" là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tại phiên toà phúc thẩm, các bị cáo thừa nhận hành vi và tội danh như cấp sơ thẩm xét xử là đúng, chỉ giữ nguyên kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét giảm hình phạt.

[2] Xét kháng cáo xin giảm hình phạt của các bị cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra hậu quả đặc biệt nghiêm trọng, gây xôn xao dư luận, phẫn uất trong quần chúng nhân dân. Chỉ vì động cơ mục đích muốn giải thoát nợ mà các bị cáo đã thực hiện hành vi giết nạn nhân, trong khi đó chính nạn nhân là người đã giúp đỡ các bị cáo, cho các bị cáo vay tiền để trang trải cuộc sống. Trước khi thực hiện hành vi phạm tội giữa bị cáo D và bị cáo O đã có sự bàn bạc thống nhất với nhau về việc giết nạn nhân để "giải thoát nợ", thống nhất dùng dây siết cổ bà N1 cho đến chết, sắp đặt lừa bà N1 qua nhà bằng cách nhắn tin cho bà N1 nhờ mua giùm đồ ăn mang qua nhà để dễ bề thực hiện hành vi đã bàn bạc. Trong quá trình thực hiện hành vi, hai bị cáo đã tích cực hỗ trợ nhau thực hiện việc giết chết bà N1. Sau khi thực hiện hành vi giết bà N1, thấy bà N1 bất tỉnh, không còn cựa quậy, các bị cáo cùng nhau xoá dấu vết hiện trường, cất giấu tài sản chiếm đoạt được, dùng dây thép cột, trói chân, tay bà N1 bỏ vào thùng xốp, rồi mang đi phi tang vứt xác bà N1 xuống cầu M, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng nhằm che giấu cho hành vi phạm tội của các bị cáo. Ngay sau khi thực hiện hành vi "Giết người", các bị cáo D và O còn thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người bị hại với số tiền 5.600.000 đ (năm triệu, sáu trăm ngàn đồng), 01 xe mô tô BKS 43C1-313.XX trị giá 11.500.000 đ (mười một triệu, năm trăm ngàn đồng). Do đó, Toà án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo về tội "Giết người" với các tình tiết định khung: "Giết người mà ngay sau đó lại thực hiện một tội phạm rất nghiêm trọng khác"; "có tổ chức"; "vì động cơ đê hèn" theo quy định tại các điểm e, o, q khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và tội "Cướp tài sản"

theo quy định tại khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là đúng pháp luật.

Trong vụ án này, sau khi thực hiện hành vi giết chết bà N1, các bị cáo còn có hành động xảo quyệt che giấu tội phạm, thể hiện ở việc các bị cáo đã buộc xác của bị hại bỏ vào thùng xốp, đem đi phi tang xuống cầu M nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "có hành động xảo quyệt nhằm che giấu tội phạm" quy định tại điểm p khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Bị cáo Nguyễn Hùng D là người giữ vai trò chính, khởi xướng và đề xuất kế hoạch dùng dây siết cổ giết bà N1 để bà N1 không kêu cứu được. Bị cáo D là người trực tiếp dùng dây dù đã chuẩn bị sẵn siết cổ giết bà N1. Sau khi giết bà N1, D dùng dây thép trói tay, chân bà N1, bỏ vào thùng xốp rồi cùng bị cáo O mang xác bà N1 vứt xuống cầu M và mang xe môtô cũng như các đồ vật khác của bị hại đi giấu, vứt vào thùng rác để che giấu hành vi phạm tội của các bị cáo. Bản thân bị cáo D đã bị xử 05 năm tù về tội "Hiếp dâm" nhưng vẫn không chịu cải tạo bản thân. Bị cáo Lê Thị Phương O là đồng phạm giúp sức tích cực, sau khi bàn bạc thống nhất với D về phương thức, kế hoạch giết bà N1 thì O chính là người nhắn tin điện thoại lừa bà N1 đến nhà để sát hại, giả vờ nói chuyện để làm bà N1 mất cảnh giác để D dùng dây siết cổ giết chết bà N1. Khi D dùng dây siết cổ bà N1 thì O giúp giữ hai tay bà N1 không cho vùng vẫy. Sau khi giết bà N1, O lục túi xách của bà N1 để chiếm đoạt tài sản, cùng với D đem xác bà N1 và tài sản khác của bà N1 đi phi tang.

Xét tính chất hành vi, hậu quả của vụ án do các bị cáo gây ra là đặc biệt nghiêm trọng, không những đã tước đoạt tính mạng quý giá của bị hại, gây đau thương cho gia đình nạn nhân mà còn xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân. Đây là những khách thể quan trọng được pháp luật hình sự bảo vệ. Hành vi của các bị cáo còn ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự địa phương, ảnh hưởng đến chủ trương xây dựng thành phố 4 an của chính quyền thành phố Đà Nẵng. Do đó, Toà án cấp sơ thẩm đã áp dụng hình phạt cao nhất, nghiêm khắc nhất đối với bị cáo Nguyễn Hùng Dùng về tội "Giết người", 6 (sáu) năm tù về tội "Cướp tài sản"; Xử phạt Lê Thị Phương O tù chung thân về tội "Giết người", 5 (năm) năm tù về tội "Cướp tài sản" là đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Hùng D thành khẩn khai báo hành vi phạm tội nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 nhưng xét tính chất đặc biệt nghiêm trọng của vụ án, tình tiết giảm nhẹ này không được Hội đồng xét xử cân nhắc khi lượng hình.

Bị cáo Lê Thị Phương O tại phiên tòa phúc thẩm không đưa ra được tài liệu chứng cứ gì mới để cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ cho bị cáo. Vì vậy,

Hội đồng xét xử phúc thẩm nhất trí cao với quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hùng D và bị cáo Lê Thị Phương O, giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đề nghị của các Luật sư về giảm hình phạt cho các bị cáo.

Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo Nguyễn Hùng D, Lê Thị Phương O phải chịu án phí phúc thẩm hình sự theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Toà án.

Bị cáo Nguyễn Hùng D bị Toà án tuyên hình phạt "Tử hình" nên trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày tuyên án hôm nay được gửi đơn xin ân giảm lên Chủ tịch nước.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Hùng D để đảm bảo thi hành án.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hùng D và bị cáo Lê Thị Phương O, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

2. Căn cứ điểm e, o, q khoản 1 Điều 123; khoản 1 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm p khoản 1 Điều 52; Điều 40; Điều 55 và Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt**: Nguyễn Hùng D Tử hình** về tội "Giết người" và 06 (sáu) năm tù về tội "Cướp tài sản". Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội buộc bị cáo Nguyễn Hùng D phải chấp hành là **Tử hình.**

Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo Nguyễn Hùng D được gửi đơn xin ân giảm lên Chủ tịch nước.

3. Căn cứ điểm e, o, q khoản 1 Điều 123; khoản 1 Điều 168; điểm p khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 39; Điều 55 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt **Lê Thị Phương O** tù chung thân về tội "Giết người" và 05 (năm) năm tù về tội "Cướp tài sản". Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội buộc bị cáo Lê Thị Phương O phải chấp hành là **tù chung thân**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam, ngày 21/6/2018.

4. Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Nguyễn Hùng D, Lê Thị Phương O mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

5. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Công an thành phố Đà Nẵng;
- Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng;
- Cục THADS thành phố Đà Nẵng;
- Trại tạm giam CA thành phố Đà Nẵng;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Cường